TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ QUAO** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/KDTM-ST
Ngày: 04-10-2019
"V/v Tranh chấp hợp đồng hùn vốn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoài Thanh.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Danh Út Nhỏ;
2. Bà Tạ Thúy Hoài.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên toà: Ông Phan Hoài Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 10 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 03/2019/TLST-KDTM ngày 22/5/2018 về việc "Tranh chấp Hợp đồng hùn vốn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2019/QĐXXST-DS, ngày 28 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2019/QĐST-DS, ngày 20/6/2019 và Thông báo về việc chuyển thủ tục giải quyết vụ án số 04/2019/TB-TA ngày 13/9/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hồng Đ - sinh năm 1977 (có mặt) và bà Lương Kim L - sinh năm 1975 (có mặt, bà L là chủ hộ kinh doanh).

Cùng địa chỉ: ấp 9, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Ông Trương Hoàng D - sinh năm 1976 (ông D là chủ hộ kinh doanh) và bà Dương Ngọc Ng - sinh năm 1971 (đều vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Khu phố P, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/5/2018 và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Nguyễn Hồng Đ, bà Lương Kim L trình bày: Vào ngày 03/11/2017 âl, vợ chồng tôi và ông D, bà Ng có hùn vốn với nhau để mua lúa xay gạo bán, cụ thể là vợ chồng tôi bỏ vốn vào là 720.000.000 đồng còn bà Ng, ông D bỏ vốn vào là 120.000.000 đồng, được mấy ngày thì bà Ng, ông D rút số tiền 120.000.000 đồng này không có bỏ thêm vốn. Đồng thời, số tiền là 720.000.000 đồng mà vợ chồng tôi bỏ vào từ lúc đầu cho đến khi kết toán làm ăn với nhau (cuối vụ), chúng tôi không có bỏ thêm vốn nhưng có hỏi thêm bên ngoài để trả cho người khác số tiền là 300.000.000 đồng chỉ đóng lãi được 9.900.000 đồng còn vốn

chưa trả. Do đó, tiền lãi của 300.000.000 đồng vốn chưa trả là 48.000.000 đồng nên số tiền này vợ chồng tôi không yêu cầu.

Mặc khác, ông D, bà Ng bỏ vào số tiền là 120.000.000 đồng mà ông D, bà Ng rút ra thì ông D, bà Ng không có bỏ vốn thêm lần nào nữa còn ông D, bà Ng nói có bỏ thêm số tiền là 220.000.000 đồng sự thật lả không có.

Sau khi hai kết toán xong các khoản tiền mua lúa và bán gạo mà hai bên hùn vốn (cuối vụ và kết toán ngày 28/12/2017 âl) thì hai bên xác định lời, lỗ xong nên còn lại số tiền là 315.000.000 đồng. Do đó, vợ chồng tôi và ông D, bà Ng xác định số tiền 315.000.000 đồng này là của vợ chồng tôi nên ông D, bà Ng giữ dùm chúng tôi. Sau đó, vợ chồng tôi định không làm ăn chung với ông D, bà Ng nữa nên yêu cầu ông D, bà Ng trả lại số tiền này nhưng ông D, bà Ng nói đã bỏ cọc lúa hết. Từ đó, vợ chồng tôi phải tiếp tục làm ăn chung với ông D, bà Ng, đến khi xay gạo và đem bán gạo xong về thì hai bên ngồi lại tính toán với nhau lời, lỗ như thế nào nên hai bên thống nhất lỗ với số tiền là 84.720.000 đồng thì mỗi bên còn phải bù tiếp là 42.360.000 đồng. Hơn nữa, bà Ng có đưa cho tôi số tiền là 30.000.000 đồng (ngày nào tôi không nhớ) nên cộng hai khoản là 72.360.000 đồng. Do đó, bà Ng, ông D phải trả lại cho vợ chồng tôi là 315.000.000 đồng – 72.360.000 đồng = 242.640.000 đồng. Bà Ng, ông D nói vợ chồng tôi bán một ghe gạo không đưa một phiếu là không có nên yêu cầu bà Ng, ông D cung cấp chứng cứ nếu ông D, bà Ng cung cấp có phiếu gạo này thì chúng tôi hoàn chịu trả cho ông D, bà Ng. Khi khởi kiện vợ chồng tôi yêu cầu ông D, bà Ng trả lại số tiền là 315.820.000 đồng nhưng nay chúng tôi xác định là yêu cầu ông D, bà Ng trả lại số tiền là 315.000.000 đồng nên trừ các khoản nêu trên ông D, bà Ng phải trả cho chúng tôi số tiền còn lại là 242.640.000 đồng.

Nguyện vọng: Vợ chồng tôi yêu cầu ông D, bà Ng phải cho vợ chồng tôi số vốn hùn, mà ông bà còn giữ của chúng tôi là 242.640.000 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/8/2018 bị đơn ông Trương Hoàng D, bà Dương Ngọc Ng trình bày: Vợ chồng tôi xác định vào ngày 03/11/2017 âl, vợ chồng tôi và ông Đ, bà L có hùn vốn với nhau để mua lúa xay gạo bán, cụ thể là vợ chồng tôi bỏ vốn vào là 120.000.000 đồng còn bà Ng, ông D bỏ vốn vào là 720.000.000 đồng. Sau đó, được mấy ngày thì vợ chồng tôi rút hết số tiền 120.000.000 đồng này, tiếp theo thì vợ chồng tôi có bỏ thêm vốn là 220.000.000 đồng.

Từ đó, vợ chồng tôi và ông Đ, bà L cùng đi mua lúa về rồi đi xay gạo bán. Đến ngày 28/12/2017 âl đi bán gạo xong thì không có gặp nhau để tính toán với bà L, ông Đ nên đến ngày mùng 04 tết năm 2018âl thì tôi qua tính toán với bà L thì trừ các khoản chi phí còn lại 315.820.000 đồng của bà L, ông Đ nên chúng tôi giữ.

Đến ngày mùng 06 thì bà L gọi điện qua yêu cầu trả số tiền 315.820.000 đồng, thì tôi không đồng ý vì đã bỏ cọc cho người ta rồi, đến ngày mùng 08 thì ông Đ, bà L qua tiếp tục làm ăn. Sau đó, hai bên cùng nhau đi mua lúa và xay gạo bán xong về thì bên tính toán lời, lỗ cụ thể, rõ ràng nên chúng tôi xác định là ông Đ, bà L bán một ghe gạo với số tiền là 310.258.000 đồng về không giao phiếu lại nên từ đó chúng tôi không trả lại số tiền mà ông Đ, bà L khởi kiện.

Nguyện vọng: Chúng tôi thừa nhận có giữ số tiền là 315.000.000 đồng của bà L, ông Đ nhưng do bà L, ông Đ bán 01 ghe gạo không giao phiếu lại cho chúng tôi với số tiền là 310.258.000 đồng nên chúng tôi không đồng ý trả số tiền trên là 315.000.000 đồng cho bà L và ông Đ.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã tuân thủ các thủ tục về thụ lý vụ án, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết của Tòa án cũng như các thủ tục hòa giải, thủ tục tố tụng tại phiên tòa là đúng theo qui định. Đối với đương sự thì nguyên đơn đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật còn bị đơn vắng mặt tại phiên tòa là không tuân thủ quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự cũng như tại phiên tòa hôm nay, đối chiếu với các quy định của pháp luật Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lương Kim L (chủ hộ kinh doanh), ông Nguyễn Hồng Đ đối với bị đơn ông Trương Hoàng D (chủ hộ kinh doanh), bà Dương Ngọc Ng. Buộc ông D, bà Ng phải trả cho ông Đ, bà L số tiền là 242.640.000đ(hai trăm bốn mươi hai triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Hồng Đ và bà Lương Kim L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trương Hoàng D và bà Dương Ngọc Ng phải trả số tiền hùn vốn của ông bà còn lại là 242.640.000 đồng do ông D, bà Ng giữ dùm. Đồng thời, do các đương sự có giấy phép đăng ký kinh doanh, hoạt động trong lĩnh vực thương mại và đều có mục đích lợi nhuận nên tranh chấp về kinh doanh thương mại được quy định tại khoản 1 Điều 30, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Ông Trương Hoàng D và bà Dương Ngọc Ng là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã được tống đạt hợp lệ nên căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử là phù hợp.

[2] Về nội dung: Hai bên đương sự đã thừa nhận vào ngày 03/11/2017 âl có thống nhất thỏa thuận hùn vốn với nhau để mua lúa về xay gạo bán là đúng sự thật. Do đó, hợp đồng này được hai bên giao kết thực hiện trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, không trái pháp luật, đạo đức xã hội nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét về yêu cầu của nguyên đơn, HĐXX thấy rằng: Ông Đ, bà L và ông D, bà Ng có thỏa thuận hùn vốn với nhau để mua lúa về xay gạo bán nên phía ông Đ, bà L bỏ vào số tiền vốn là 720.000.000 đồng còn ông D, bà Ng bỏ vào số tiền vốn là 120.000.000 đồng nên tổng số tiền hai bên bỏ vào hùn vốn là 840.000.000 đồng. Sau khi, hai bên cùng đi mua lúa về xay gạo, đến lúc bán gạo xong thì hai bên có cùng nhau tính toán lời lãi vào ngày 27/12/2017 âl, tất toán tất cả các khoản xong nên còn lại số 315.000.000 đồng là tiền vốn của ông Đ, bà

L. Do đó, ông Đ, bà L nhờ ông D, bà Ng giữ dùm. Sau đó, ông Đ, bà L yêu cầu ông D, bà Ng trả lại số tiền 315.000.000 đồng thì ông D, bà Ng không đồng ý trả mà cho rằng đã đặt cọc hết. Tuy nhiên, trong quá trình hùn vốn làm ăn phía bên nguyên đơn bỏ ra số tiền là 720.000.000 đồng còn phía bên bị đơn bỏ vào có 120.000.000 đồng nhưng đã rút ra hết vốn. Từ đó, cho thấy bị đơn không có bỏ số tiền vốn nào. Lẽ ra, khi hai bên tất toán xong vào ngày 27/12/2017 âl thì số tiền 315.000.000 đồng này nguyên đơn phải rút ra vì số vốn mà bị đơn bỏ vào đã rút ra hết nhưng nguyên đơn không làm này. Đồng thời, ông D, bà Ng cũng thừa nhận có giữ dùm ông Đ, bà L số tiền này. Do đó, yêu cầu của ông Đ, bà L là có căn cứ để HĐXX chấp nhận.

[3] Xét về trình bày của ông D, bà Ng thì HĐXX thấy rằng: Ông D, bà Ng có hùn vốn với ông Đ, bà L nhưng ông bà chỉ bỏ ra số tiền vốn là 120.000.000 đồng nhưng đã rút ra hết. Đồng thời, ông bà cho rằng có thêm vốn với số tiền là 220.000.000 đồng nhưng trong quá trình giải quyết vụ án ông bà không cung cấp được chứng cứ để chứng minh bỏ thêm vốn số tiền này và ông Đ, bà L cũng không thừa nhận là ông bà có bỏ thêm số tiền là 220.000.000 đồng nên không có căn cứ chứng minh là ông bà bỏ thêm vốn với số tiền là 220.000.000 đồng. Mặc khác, ông bà cũng thừa nhận có giữ dùm ông Đ, bà L số tiền là 315.000.000 đồng là đúng nhưng ông bà không đồng ý trả lại với lý do là ông Đ, bà L bán một ghe gạo với số tiền là 310.258.000 đồng về không giao phiếu. Từ đó, ông bà không đồng ý trả lại số tiền mà ông bà giữ dùm ông Đ, bà L. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án có thông báo cho ông bà cung cấp chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình nhưng ông bà không có chứng cứ để chứng minh là ông Đ, bà L bán một ghe gạo về không giao phiếu lại nên lời trình bày của ông bà là không có căn cứ chấp nhận. Do đó, cần buộc ông D, bà Ng phải lại số tiền mà ông bà giữ dùm của ông Đ, bà L là có căn cứ.

[4] Tại phiên tòa vị đại Đại diện Viện kiểm sát cũng đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn nên lời đề nghị này của vị đại Đại diện Viện kiểm sát có căn cứ đúng pháp luật. Do đó, HĐXX hội ý thảo luận chấp nhận lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát.

Từ những phân tích đánh giá trên, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và sau khi thảo luận nghị án nên HĐXX có căn cứ để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hồng Đ, bà Lương Kim L đối với bị đơn ông Trương Hoàng D, bà Dương Ngọc Ng.

Do đó, buộc ông Trương Hoàng D, bà Dương Ngọc Ng phải trả cho ông Nguyễn Hồng Đ, bà Lương Kim L số tiền là: 242.640.000đ (hai trăm bốn mươi hai triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Về án phí KDTMST: Án phí tranh chấp về kinh doanh, thương mại có giá ngạch là 242.640.000đ x 5% = 12.132.000đ (mười hai triệu một trăm ba

mươi hai nghìn đồng) ông Trương Hoàng D và bà Dương Ngọc Ng phải chịu nộp do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ.

Ông Nguyễn Hồng Đ, bà Lương Kim L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.800.000đ (sáu triệu tám trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0001939 ngày 22/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 11, Điều 116, Điều 166, Điều 274, Điều 275 và Điều 688 của Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Nguyễn Hồng Đ, bà Lương Kim L đối với bị đơn là ông Trương Hoàng D, bà Dương Ngọc Ng.

Buộc ông Trương Hoàng D, bà Dương Ngọc Ng phải trả cho ông Nguyễn Hồng Đ, bà Lương Kim L số tiền là 242.640.000đ (hai trăm bốn mươi hai triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí KDTMST: Án phí tranh chấp về kinh doanh, thương mại có giá ngạch là 242.640.000đ x 5% = 12.132.000đ (mười hai triệu một trăm ba mươi hai nghìn đồng) ông Trương Hoàng D và bà Dương Ngọc Ng phải chịu nộp do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ.

Ông Nguyễn Hồng Đ, bà Lương Kim L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.800.000đ (sáu triệu tám trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0001939 ngày 22/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

3. Báo cho ông Nguyễn Hồng Đ, bà Lương Kim iệt biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 04/10/2019.

Ông Trương Hoàng D, bà Dương Ngọc Ng có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7, Điều 7a và Điều 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Gò Quao;
- Chi cục THADS huyện Gò Quao;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
-UBND thị trấn Gò Quao;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Hoài Thanh